

Số: **018** /ĐKVN

Hà Nội, ngày 01 tháng 02 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH
CỦA CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM
Về việc sửa đổi, bổ sung một số mục của Quyết định 163/ĐKVN ngày 18
tháng 5 năm 2006 Ban hành hướng dẫn kiểm tra chất lượng
chuyên dùng nhập khẩu theo Quyết định số 50/2006/QĐ-TTg

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỆM CHẤT LƯỢNG

Căn cứ Quyết định số 2570/2003/QĐ-BGTVT ngày 29/08/2003 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Đăng kiểm Việt Nam;

Căn cứ Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra về chất lượng, ban hành kèm theo Quyết định số 50/2006/QĐ-TTg ngày 7 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Chất lượng Xe cơ giới,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Sửa đổi, bổ sung một số mục của Quyết định số 163/ĐKVN ngày 18 tháng 5 năm 2006 Ban hành hướng dẫn kiểm tra chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo Quyết định số 50/2006/QĐ-TTg:

1. Mục 1.2 bổ sung thêm:

d) Xe chuyên dùng có động cơ

2. Điểm c mục 2.1 bổ sung thêm:

- Miễn Tài liệu kỹ thuật đối với XMCD có cùng kiểu loại (cùng loại, cùng tên, cùng nhãn hiệu, cùng hãng, cùng nước sản xuất) với loại XMCD đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu.

3. Mục 3.1 được sửa lại như sau:

3.1. Đối tượng miễn kiểm tra xe:

Miễn kiểm tra xe đối với loại XMCD nêu tại Mục 1.2 chưa qua sử dụng nếu có Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (Tờ khai Hải quan) có ghi số khung, số máy hoặc số nhận dạng và có hồ sơ kỹ thuật hợp lệ theo quy định tại điểm c, mục 2.1

4. Điểm c mục 3.2 được sửa lại như sau:

c) Trường hợp tổ chức, cá nhân nhập khẩu không thể cung cấp được Hồ sơ kỹ thuật của XMCD theo quy định tại Điểm c, Mục 2.1, Đội kiểm tra khu vực sẽ tiến hành kiểm tra XMCD theo các nội dung của hạng mục kiểm tra tổng quát.

5. Mục 4 được sửa đổi như sau:

4.1 Đối tượng kiểm tra xe

Việc kiểm tra xe áp dụng đối với tất cả các loại XMCD nêu tại Mục 1.2 trừ loại là đối tượng miễn kiểm tra nêu tại mục 3.1 của hướng dẫn này.

4.2 Phương thức kiểm tra : kiểm tra từng xe.

4.3 Nội dung kiểm tra

a) Kiểm tra theo các nội dung của hạng mục kiểm tra tổng quát quy định tại 22TCN 287-01: *Tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng đường bộ* đối với máy ủi, máy xúc, máy đào, máy cạp, máy san, máy đặt ống, máy đầm, xe lăn đường, máy nén, máy khoan, máy đóng cọc, máy nhỏ cọc loại tự hành và xe chuyên dùng có động cơ.

b) Kiểm tra theo các nội dung quy định tại 22TCN 287-01: *Tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng đường bộ*, trừ nội dung kiểm tra hiệu quả phanh đối với các XMCD không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a nêu trên.

4.4 Hồ sơ đề nghị kiểm tra

Khi có nhu cầu kiểm tra XMCD, Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chuyển bổ sung bản sao Tờ khai Hải quan và Phiếu đề nghị kiểm tra XMCD (Phụ lục 5) tới Đội kiểm tra khu vực.

4.5 Biên bản kiểm tra

Kết quả kiểm tra XMCD được ghi nhận đầy đủ theo Biên bản kiểm tra chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Biên bản kiểm tra) theo mẫu tại **Phụ lục 6a** đối với các xe máy chuyên dùng thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Mục 4.3 và tại **Phụ lục 6b** đối với các XMCD thuộc đối tượng quy định tại Điểm b Mục 4.3 nêu trên.

Trong quá trình lập Biên bản kiểm tra, cột kết luận (K/L) được thống nhất viết như sau:

"Đ" - Hạng mục đạt yêu cầu kiểm tra

"KĐ" - Hạng mục không đạt yêu cầu kiểm tra

"/" - Hạng mục không có (không áp dụng) ở XMCD đang kiểm tra

Biên bản kiểm tra phải được đại diện của Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chứng kiến việc kiểm tra ký xác nhận.

6. Điểm a mục 5.1 được sửa đổi như sau:

a) Đối với XMCD là đối tượng miễn kiểm tra có hồ sơ hợp lệ được cấp Giấy chứng nhận chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo mẫu tại **Phụ lục 7**;

7. Điểm a mục 5.4 được sửa đổi như sau:

a) Giấy chứng nhận chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục 7 được in thành 2 Liên có nội dung như nhau, gồm: Liên 1 để lưu và Liên 3 sử dụng để làm thủ tục hải quan .

8. Điểm b mục 5.4 được sửa đổi như sau:

b) Giấy chứng nhận chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục 8 được in thành 3 Liên có nội dung như nhau, gồm: Liên 1 để lưu, Liên 2 sử dụng để kiểm định lần đầu và Liên 3 sử dụng để làm thủ tục hải quan (Riêng đối với XMCD tay lái nghịch, Giấy chứng nhận chất lượng được in 2 Liên, gồm Liên 1 và Liên 3)

9. Biên bản kiểm tra chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu tại Phụ lục 6 được sửa đổi lại thành Phụ lục 6a và Phụ lục 6b đính kèm theo Quyết định này.

Nội dung "Hướng dẫn kiểm tra chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo Quyết định số 50/2006/QĐ-TTg" đã được bổ sung, sửa đổi được nêu tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực sau 30 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3: Trưởng phòng Chất lượng Xe cơ giới; Trưởng phòng Công nghiệp; Trưởng phòng Đường sắt; Thủ trưởng các Đơn vị trực thuộc Cục có liên quan; các Tổ chức, cá nhân nhập khẩu căn cứ trong phạm vi trách nhiệm của mình để thi hành quyết định này./.

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐKVN

Nguyễn Văn Ban

Phụ lục

(Ban hành kèm theo Quyết định số 018/ĐKVN ngày 1 tháng 2 năm 2007)

HƯỚNG DẪN KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG NHẬP KHẨU THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 50/2006/QĐ-TTg đã được bổ sung sửa đổi

1. Quy định chung

1.1. Phạm vi áp dụng

Hướng dẫn này áp dụng trong công tác kiểm tra chất lượng xe máy chuyên dùng (XMCD) nhập khẩu nêu tại mục 5 trong Danh mục sản phẩm, hàng hóa phải kiểm tra chất lượng, ban hành kèm theo Quyết định số 50/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 03 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ

1.2 Đối tượng kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu

Những loại XMCD dưới đây phải kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu:

- a) Máy ủi, máy xúc, máy đào, máy cạp, máy san, máy đặt ống, máy đầm, xe lăn đường, máy nén, máy khoan, máy đóng cọc, máy nhổ cọc loại tự hành;
- b) Xe nâng hàng loại tự hành;
- c) Cần trục bánh lốp, cần trục bánh xích;
- d) Xe chuyên dùng có động cơ.

1.3. Đối tượng không kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu

Những loại máy móc thiết bị sau đây không cần phải thực hiện kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu, bao gồm:

- a) Cần cầu của tàu, cần trục (trừ cần trục bánh lốp, cần trục bánh xích), khung nâng di động;
- b) Máy nâng hạ, xếp dỡ hàng;
- c) Cần trục, cổng trục;
- d) Nồi hơi, bình chịu áp lực.

Những loại máy móc, thiết bị nêu trên sẽ được kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật khi lắp ráp và trong quá trình sử dụng.

2. Đăng ký kiểm tra

2.1 Hồ sơ đăng ký kiểm tra

Hồ sơ đăng ký kiểm tra (HSDKKT) do Tổ chức/ cá nhân nhập khẩu lập gồm có:

a) Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng XMCD nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục 1 kèm theo Bản kê chi tiết XMCD nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục 2.

b) Chứng từ nhập khẩu : Hoá đơn thương mại (Commercial Invoice), bản sao, có xác nhận của Tổ chức/ cá nhân nhập khẩu.

c) Hồ sơ kỹ thuật

- Đối với XMCD đã qua sử dụng, hồ sơ kỹ thuật là một trong các loại giấy tờ sau đây:

+ Tài liệu kỹ thuật của XMCD đăng ký kiểm tra (bản chính hoặc bản sao), có xác nhận của Tổ chức/ cá nhân nhập khẩu;

+ Bản đăng ký thông số kỹ thuật XMCD nhập khẩu do Tổ chức/ cá nhân nhập khẩu lập theo mẫu tại **Phụ lục 3**.

- Đối với XMCD chưa qua sử dụng, hồ sơ kỹ thuật bao gồm:

+ Tài liệu kỹ thuật của XMCD đăng ký kiểm tra (bản chính hoặc bản sao), có xác nhận của Tổ chức/ cá nhân nhập khẩu;

+ Bản chính Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất (C/Q) cấp cho XMCD.

- Miễn tài liệu kỹ thuật đối với XMCD có cùng kiểu(cùng loại, cùng tên, cùng nhãn hiệu, cùng hãng, cùng nước sản xuất) với loại XMCD đã được Cục Đăng kiểm Việt Nam kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu.

2.2 Tiếp nhận hồ sơ đăng ký kiểm tra

a) Trường hợp XMCD có hồ sơ hợp lệ theo quy định tại mục 2.1 thì Đội kiểm tra khu vực thực hiện như sau:

- Vào sổ đăng ký kiểm tra, cấp sổ đăng ký kiểm tra.

- Xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra.

- Sao lưu Giấy đăng ký kiểm tra kèm theo Bản kê chi tiết XMCD nhập khẩu trước khi chuyển bản chính các giấy tờ trên tới Tổ chức, cá nhân nhập khẩu;

- Lập Phiếu kiểm soát quá trình kiểm tra XMCD nhập khẩu theo mẫu tại **Phụ lục 4**.

b) Trường hợp XMCD không đủ hồ sơ hoặc không đúng theo quy định thì Đội kiểm tra khu vực thông báo bằng văn bản để Tổ chức, cá nhân nhập khẩu bổ sung hoàn thiện.

c) Việc xử lý hồ sơ nêu trên được thực hiện trong vòng 1 ngày làm việc.

2.3 Địa điểm làm thủ tục đăng ký kiểm tra

Tổ chức, cá nhân nhập khẩu nộp HSDKKT cho Cục Đăng kiểm Việt Nam tại các địa điểm sau đây:

a) Đội kiểm tra khu vực I

Địa chỉ : 18 Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại : 04-7684729, Fax: 04-7894773

b) Đội kiểm tra khu vực II

Địa chỉ : 16, Trần Hưng Đạo, Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng

Điện thoại : 031-823586, Fax: 031-823586

c) Đội kiểm tra khu vực III

Địa chỉ : 160 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 08-9330847, Fax: 08-9330847

d) Đội kiểm tra khu vực IV

Địa chỉ : 128 Bạch Đằng, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại : 0511-810764, Fax: 0511-810764

e) Đội kiểm tra khu vực V

Địa chỉ : 63 Lê Thánh Tông, Tp. Hạ Long, Quảng Ninh

Điện thoại : 033-821792, Fax: 033-823086

Số lượng và địa chỉ của địa điểm làm thủ tục đăng ký kiểm tra có thể thay đổi và được Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo tại từng thời điểm thích hợp.

3. Miễn kiểm tra xe

3.1 Đối tượng miễn kiểm tra xe

Miễn kiểm tra xe đối với các loại XMCD nêu tại mục 1.2 chưa qua sử dụng nếu có tờ khai hàng hóa nhập khẩu (Tờ khai Hải quan) có ghi số khung, số máy hoặc số nhận dạng và có hồ sơ kỹ thuật hợp lệ theo quy định tại điểm c, Mục 2.1

3.2 Xử lý các trường hợp đặc biệt

a) Trường hợp trong Tờ khai Hải quan không ghi số khung, số máy hoặc số nhận dạng thì phải bổ sung bản cà số khung, cà số máy hoặc số nhận dạng của XMCD được cơ quan Hải quan xác nhận.

b) Trường hợp Tổ chức, cá nhân nhập khẩu không thể cung cấp được:

- Bản cà số khung, cà số máy hoặc số nhận dạng của XMCD được cơ quan Hải quan hoặc

- Số khung, số máy đầy đủ của XMCD

Đội kiểm tra khu vực sẽ tiến hành kiểm tra xe để xác định các nội dung có liên quan đến số khung, số máy.

c) Trường hợp Tổ chức, cá nhân nhập khẩu không thể cung cấp được Hồ sơ kỹ thuật của XMCD theo quy định tại Điểm c, mục 2.1, Đội kiểm tra khu vực sẽ tiến hành kiểm tra XMCD theo các nội dung của hạng mục kiểm tra tổng quát.

4. Kiểm tra xe

4.1 Đối tượng kiểm tra xe

Việc kiểm tra xe áp dụng đối với tất cả các loại XMCD nêu tại Mục 1.2 trừ loại là đối tượng miễn kiểm tra nêu tại Mục 3.1 của hướng dẫn này.

4.2 Phương thức kiểm tra : Kiểm tra từng xe

4.3 Nội dung kiểm tra

a) Kiểm tra theo các nội dung của hạng mục kiểm tra tổng quát quy định tại 22TCN 287-01: *Tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng đường bộ* đối với máy ủi, máy xúc, máy đào, máy cạp, máy san, máy đặt ống, máy đầm, xe lăn đường, máy nén, máy khoan, máy đóng cọc, máy nhỏ cọc loại tự hành và xe chuyên dùng có động cơ.

b) Kiểm tra theo các nội dung quy định tại 22TCN 287-01: *Tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng đường bộ*, trừ nội dung kiểm tra hiệu quả phanh đối với các XMCD không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a nêu trên.

4.4 Hồ sơ đề nghị kiểm tra

Khi có nhu cầu kiểm tra XMCD, Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chuyển bổ sung bản sao Tờ khai Hải quan và Phiếu đề nghị kiểm tra XMCD (Phụ lục 5) tới Đội kiểm tra khu vực.

4.5 Biên bản kiểm tra

Kết quả kiểm tra XMCD được ghi nhận đầy đủ theo Biên bản kiểm tra chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu (sau đây gọi tắt là Biên bản kiểm tra) theo mẫu tại **Phụ lục 6a** đối với các xe máy chuyên dùng thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Mục 4.3 và tại **Phụ lục 6b** đối với các XMCD thuộc đối tượng quy định tại Điểm b Mục 4.3 nêu trên.

Trong quá trình lập Biên bản kiểm tra, cột kết luận (K/L) được thống nhất viết như sau:

"Đ" - Hạng mục đạt yêu cầu kiểm tra

"KĐ" - Hạng mục không đạt yêu cầu kiểm tra

"/" - Hạng mục không có (không áp dụng) ở XMCD đang kiểm tra

Biên bản kiểm tra phải được đại diện của Tổ chức, cá nhân nhập khẩu chứng kiến việc kiểm tra ký xác nhận.

5. Chứng chỉ chất lượng và các vấn đề liên quan

5.1 Chứng chỉ chất lượng

a) Đối với XMCD là đối tượng miễn kiểm tra có hồ sơ hợp lệ và phù hợp với số khung, số máy hoặc số nhận dạng được cấp Giấy chứng nhận chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo mẫu tại **Phụ lục 7**;

b) Đối với XMCD có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo mẫu tại **Phụ lục 8**;

c) Đối với XMCD qua kiểm tra không đạt yêu cầu được cấp Thông báo không đạt chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo mẫu tại **Phụ lục 9**.

5.2 Xử lý các trường hợp đặc biệt khi lập chứng chỉ chất lượng

a) Tên gọi của XMCD:

Tên gọi của XMCD phải ghi thống nhất theo quy định tại **Phụ lục 10**; Trường hợp trong Phụ lục 10 không có loại XMCD đang kiểm tra, các Đội Kiểm tra khu vực phải báo cáo Ban XMCD để có hướng giải quyết.

b) Năm sản xuất:

Đối với những XMCD không thể xác định được năm sản xuất, tại vị trí ghi năm sản xuất ghi :*không xác định*;

c) Số khung, số máy:

- Đối với những XMCD không có số khung, số máy thì ghi số xeri sản xuất hoặc số nhận dạng trên êtoket gắn trên XMCD hoặc gắn trên động cơ.

- Đối với những XMCD không thể xác định được số khung, số máy, số seri, số nhận dạng thì tại vị trí ghi số khung, số máy ghi :*không xác định*;

d) Đặc tính kỹ thuật cơ bản:

Các đặc tính kỹ thuật cơ bản của XMCD phải ghi thống nhất theo quy định tại **Phụ lục 11**; trường hợp trong Phụ lục 11 không có XMCD đang kiểm tra, các Đội kiểm tra khu vực phải báo cáo Ban XMCD để có hướng giải quyết.

e) Các kí hiệu, mã số:

Các ký hiệu, mã số sử dụng trong quá trình kiểm tra phải được ghi thống nhất theo quy định tại **Phụ lục 12**.

5.3 Soát xét, thẩm định nội dung chứng chỉ chất lượng:

a) Đội trưởng Đội kiểm tra khu vực chịu trách nhiệm soát xét phù hợp của các nội dung của bản thảo chứng chỉ chất lượng với các quy định hiện hành và tài liệu có trong hồ sơ kiểm tra XMCD nhập khẩu trước khi chuyển để lưu trữ.

b) Ban nghiệp vụ sẽ thẩm định nội dung của các bản thảo chứng chỉ chất lượng lần cuối trước khi in. Trường hợp có sự sai sót, Ban nghiệp vụ yêu cầu Đội kiểm tra khu vực bổ sung, sửa đổi.

5.4 In chứng chỉ chất lượng

a) Giấy chứng nhận chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục 7 được in thành 2 Liên có nội dung như nhau, gồm: Liên 1 để lưu và Liên 3 sử dụng để làm thủ tục hải quan .

b) Giấy chứng nhận chất lượng xe máy chuyên dùng nhập khẩu theo mẫu tại Phụ lục 8 được in thành 3 Liên có nội dung như nhau, gồm: Liên 1 để lưu, Liên 2 sử dụng để kiểm định lần đầu và Liên 3 sử dụng để làm thủ tục hải quan (Riêng đối với XMCD tay lái nghịch, Giấy chứng nhận chất lượng được in 2 Liên, gồm Liên 1 và Liên 3)

c) Thông báo không đạt được in làm 3 bản có nội dung như nhau, một bản lưu, một bản gửi để giải quyết thủ tục nhập khẩu và một bản để thông báo cho Tổ chức, cá nhân nhập khẩu .

5.5 Cấp chứng chỉ chất lượng

a) Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ khi kết thúc kiểm tra XMCD và khi Tổ chức, cá nhân nhập khẩu đã nộp đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Đăng kiểm Việt Nam sẽ cấp chứng chỉ chất lượng cho XMCD nhập khẩu đã được kiểm tra.

b) Chứng chỉ chất lượng được cấp tại Đội kiểm tra khu vực.

6. Hồ sơ đăng kiểm

6.1 Hồ sơ đăng kiểm bao gồm các loại tài liệu sau:

- a) Hồ sơ đăng ký kiểm tra;
- b) Bản sao Tờ khai Hải quan;
- c) Phiếu đề nghị kiểm tra hiện trường (đối với XMCD là đối tượng kiểm tra xe)
- d) Hồ sơ kiểm tra, gồm:
 - Biên bản kiểm tra chất lượng XMCD nhập khẩu, có đính kèm ảnh của XMCD (đối với XMCD là đối tượng kiểm tra xe);
 - Phiếu kiểm soát quá trình XMCD nhập khẩu, có liệt kê số chứng chỉ, số biên bản kiểm tra, tên các loại giấy tờ, văn bản có liên quan;
 - Bản thảo Chứng chỉ kiểm tra chất lượng có xác nhận soát xét;
 - Ngoài các giấy tờ nêu trên, nếu có thì bổ sung vào hồ sơ các giấy tờ khác như: bản cà số khung, số máy; công văn; báo cáo; kết quả giám định; ảnh; các căn cứ liên quan...

6.2. Lưu Hồ sơ đăng kiểm

Liên 1 của Thông báo miễn kiểm tra chất lượng, Liên 1 của Giấy chứng nhận chất lượng, Bản lưu của Thông báo không đạt chất lượng cùng với Bản thảo các giấy tờ trên đã được thẩm định tại Ban XMCD được lưu tại Phòng Chất lượng Xe cơ giới; Hồ sơ còn lại lưu tại Đội kiểm tra khu vực, nơi xác nhận HSDKKT của XMCD

7. Quy định khác

7.1. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu có trách nhiệm thực hiện các nội dung có liên quan tại Hướng dẫn này, chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của các hồ sơ, tài liệu đã cung cấp cho Cục Đăng kiểm Việt Nam.

7.2. Tổ chức, cá nhân nhập khẩu thanh toán các khoản chi phí cho việc kiểm tra chất lượng XMCD nhập khẩu và cấp chứng chỉ kiểm tra chất lượng theo các quy định hiện hành.